

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ TƯ PHÁP - BỘ TÀI CHÍNH

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO -
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO -
BỘ TƯ PHÁP - BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Số: 02/2014/TTLT-
TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thi hành Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi,
bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự
về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản**

Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân;

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính thống nhất ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn thi hành quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Bộ luật tổ tụng dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 (sau đây viết tắt là BLTTDS) về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản.

Điều 2. Nguyên tắc định giá tài sản

1. Các bên đương sự tự thỏa thuận về việc xác định giá tài sản, lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để xác định giá trị tài sản. Nhà nước tôn trọng sự thỏa thuận của các bên đương sự về việc xác định giá tài sản, lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên thỏa thuận với nhau hoặc với tổ chức thẩm định giá theo mức giá thấp nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước.

2. Việc định giá tài sản được thực hiện dựa trên các tiêu chuẩn kỹ thuật, thực trạng của tài sản; phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản tại thời điểm định giá.

3. Bảo đảm trung thực, khách quan, công khai, đúng quy định của pháp luật.

4. Giá tài sản được tính bằng đồng Việt Nam.

5. Trường hợp tài sản định giá không còn thì việc xác định giá căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc hoặc tham khảo giá của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật để xác định. Tài sản cùng loại, tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật được xác định theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thỏa thuận về việc xác định giá tài sản

Thỏa thuận về việc xác định giá tài sản đang tranh chấp phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Người tham gia thỏa thuận về xác định giá tài sản phải là đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự.

2. Các bên tham gia thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện.

3. Tuân thủ hướng dẫn tại Điều 2 của Thông tư liên tịch này.

4. Việc thỏa thuận phải được lập thành văn bản, có chữ ký các bên tham gia thỏa thuận.

Điều 4. Thỏa thuận về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Thỏa thuận của các bên đương sự về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Việc thỏa thuận của các bên phải đáp ứng các yêu cầu được hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư liên tịch này.

2. Tổ chức thẩm định giá được lựa chọn phải đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

Điều 5. Yêu cầu tổ chức thẩm định giá tài sản

1. Trường hợp các bên đương sự cùng yêu cầu Tòa án yêu cầu tổ chức thẩm định giá định giá tài sản thì phải nêu cụ thể tên tổ chức thẩm định giá đó. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của đương sự, Tòa án gửi văn bản yêu cầu tổ chức thẩm định giá đó tiến hành thẩm định giá tài sản.

2. Trường hợp có đương sự yêu cầu Tòa án yêu cầu một tổ chức thẩm định giá tài sản tiến hành thẩm định giá, thì Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho các đương sự khác trong vụ án dân sự biết. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Tòa án mà đương sự không có ý kiến hoặc có ý kiến đồng ý yêu cầu tổ chức thẩm định giá đó, thì Tòa án gửi văn bản yêu cầu tổ chức thẩm định giá mà các đương sự đã yêu cầu tiến hành thẩm định giá tài sản. Trong trường hợp có đương sự không đồng ý về tổ chức thẩm định giá, thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án định giá tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch này.

3. Trường hợp đương sự yêu cầu Tòa án yêu cầu tổ chức thẩm định giá tiến hành định giá tài sản đang tranh chấp theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thực hiện bằng văn bản, có chữ ký của người yêu cầu và giấy tờ, tài liệu chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật của tổ chức thẩm định giá đó. Đơn yêu cầu thực hiện theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 6. Trình tự thực hiện yêu cầu tổ chức thẩm định giá tài sản tiến hành thẩm định giá tài sản theo yêu cầu của đương sự

1. Sau khi có đủ điều kiện ra văn bản yêu cầu tổ chức thẩm định giá tài sản tiến hành định giá tài sản theo quy định tại Điều 5 của Thông tư liên tịch này thì Tòa án ban hành văn bản yêu cầu tổ chức thẩm định giá tiến hành thẩm định giá tài sản đang tranh chấp.

2. Ngay sau khi nhận được văn bản trả lời về việc đồng ý tiến hành định giá tài sản của tổ chức thẩm định giá, Tòa án phải thông báo cho các bên đương sự để tiến hành thủ tục theo yêu cầu của tổ chức thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp tổ chức thẩm định giá từ chối thẩm định giá tài sản thì Tòa án thông báo cho đương sự biết để lựa chọn tổ chức thẩm định giá khác.

3. Việc tiến hành thủ tục thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá được tiến hành theo quy định về pháp luật thẩm định giá tài sản.

4. Ngay sau khi có kết quả thẩm định giá, tổ chức thẩm định giá tài sản phải gửi kết quả thẩm định giá cho Tòa án. Tòa án thông báo kết quả định giá cho các bên đương sự có liên quan đến việc định giá tài sản.

5. Kết quả thẩm định giá được coi là chứng cứ nêu việc thẩm định giá được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tòa án ra Quyết định định giá tài sản

1. Tòa án ra Quyết định định giá tài sản khi có đơn yêu cầu của đương sự.

Đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định định giá tài sản đang tranh chấp thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

2. Tòa án ra Quyết định định giá tài sản mà không phụ thuộc vào yêu cầu của đương sự khi có căn cứ xác định các bên thỏa thuận với nhau hoặc với tổ chức thẩm định giá theo mức giá thấp nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 8. Thủ tục thành lập Hội đồng định giá và ra Quyết định định giá tài sản

1. Trước khi Tòa án ra Quyết định định giá tài sản đang tranh chấp, Tòa án phải xác định tài sản cần định giá, cơ quan chuyên môn có liên quan, số lượng thành viên Hội đồng định giá. Trên cơ sở đó, Tòa án gửi văn bản đề nghị cơ quan tài chính cùng cấp cử người đại diện làm Chủ tịch Hội đồng định giá, các cơ quan chuyên môn khác có thẩm quyền cử người có trình độ chuyên môn liên quan đến tài sản cần định giá tham gia làm thành viên Hội đồng định giá. Văn bản của Tòa án phải nêu rõ tài sản cần định giá, yêu cầu cụ thể đối với Chủ tịch Hội đồng định giá, thành viên Hội đồng định giá. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu của Tòa án, cơ quan tài chính và các cơ quan chuyên môn khác phải có công văn gửi Tòa án về việc cử người tham gia Hội đồng định giá. Trường hợp không thể thực hiện theo đúng thời hạn yêu cầu về việc cử người, thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Sau khi nhận được văn bản cử người tham gia Hội đồng định giá của cơ quan tài chính và các cơ quan chuyên môn, Thẩm phán giải quyết vụ việc phải kiểm tra những người được cử có thuộc các trường hợp quy định tại Điều 46 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự hay không. Nếu thuộc trường hợp nêu trên thì Tòa án yêu cầu cơ quan đã cử người tham gia Hội đồng định giá cử người khác thay thế.

3. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án nhận được công văn cử người tham gia Hội đồng định giá tài sản của cơ quan tài chính và các cơ quan chuyên môn, Tòa án ra Quyết định định giá tài sản. Quyết định định giá tài sản thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

4. Tòa án cử một Thư ký Tòa án để giúp việc cho Hội đồng định giá ghi biên bản về việc tiến hành định giá tài sản và thực hiện các công việc hướng dẫn tại Điểm a Khoản 2 Điều 15 Thông tư liên tịch này.

5. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án mời đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có tài sản cần định giá tham gia chứng kiến việc định giá tài sản của Hội đồng định giá theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Điều 9. Gửi Quyết định định giá tài sản

Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày ra Quyết định định giá tài sản, Tòa án gửi Quyết định định giá tài sản và các tài liệu về tài sản cần định giá cho các thành viên Hội đồng định giá, các đương sự tham gia định giá và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có tài sản cần định giá (trong trường hợp mời đại diện Ủy ban nhân dân tham gia chứng kiến việc định giá).

Điều 10. Yêu cầu thay đổi và thủ tục xem xét thay đổi thành viên Hội đồng định giá

1. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định định giá tài sản đang tranh chấp, đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn hoặc trực tiếp đến Tòa án yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá.

Trường hợp đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức trực tiếp đến Tòa án yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá, thì yêu cầu đó phải được ghi đầy đủ vào biên bản và được lưu trong hồ sơ vụ việc dân sự.

2. Trường hợp Tòa án xét thấy yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá là có căn cứ thì trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án nhận được yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá, Tòa án gửi văn bản đến cơ quan đã cử thành viên cần thay đổi để cử người khác tham gia Hội đồng định giá.

Trường hợp Tòa án xét thấy yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá là không có căn cứ thì trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án nhận được yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá, Tòa án thông báo lại bằng văn bản cho đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá biết.

3. Quyết định thay đổi thành viên Hội đồng định giá được thực hiện theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng định giá tài sản

1. Hội đồng định giá tài sản có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến tài sản cần định giá; cung cấp văn bản liên quan đến tình trạng, tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản;

b) Đề nghị Tòa án thuê các dịch vụ cần thiết thực hiện việc định giá tài sản;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng định giá tài sản có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ nguyên tắc, phương pháp, trình tự, thủ tục, nội dung định giá tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này;

b) Thực hiện việc định giá tài sản theo đúng thời gian ghi trong Quyết định định giá tài sản. Trường hợp việc định giá tài sản không thể tiến hành đúng thời

gian ghi trong Quyết định định giá tài sản, thì chậm nhất là ba ngày làm việc, trước thời hạn định giá ghi trong Quyết định, Chủ tịch Hội đồng định giá phải thông báo cho Tòa án biết để Tòa án quyết định về việc thay đổi thời gian định giá;

c) Kết luận về giá trị của tài sản được yêu cầu định giá và chịu trách nhiệm về kết luận đó;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng định giá tài sản

1. Thành viên của Hội đồng định giá tài sản có các quyền sau đây:

a) Được nhận Quyết định định giá tài sản;

b) Đưa ra nhận định, đánh giá về tính chất, đặc điểm của tài sản cần định giá; về căn cứ, phương pháp định giá và giá trị của tài sản cần định giá;

c) Biểu quyết để xác định giá của tài sản;

d) Được Tòa án thông báo trước, kịp thời bằng văn bản về nội dung, thành phần, thời gian, địa điểm mở phiên họp định giá tài sản và các nội dung liên quan;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên của Hội đồng định giá tài sản có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định định giá tài sản và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng định giá;

b) Tham dự phiên họp định giá tài sản đầy đủ, đúng thời gian và địa điểm ghi trong Quyết định định giá hoặc văn bản thông báo về việc thay đổi thời gian định giá của Tòa án;

c) Chịu trách nhiệm về nhận định, đánh giá và biểu quyết của mình được hướng dẫn tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của đương sự tham gia phiên họp định giá tài sản

1. Khi tham gia phiên họp định giá tài sản đương sự có các quyền sau đây:

a) Phát biểu ý kiến khi Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản cho phép;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản định giá đang tranh chấp.

2. Đương sự có nghĩa vụ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Thông tư liên tịch này.

Điều 14. Ủy thác định giá tài sản

Trường hợp tài sản cần định giá ở địa bàn không nằm cùng nơi có trụ sở của Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự, thì Tòa án ra Quyết định ủy thác định giá tài sản theo quy định tại Điều 93 BLTTDS và văn bản hướng dẫn thi hành để Tòa án khác hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi có tài sản cần định giá tiến hành định giá tài sản.

Điều 15. Trình tự, thủ tục phiên họp của Hội đồng định giá tài sản

1. Hội đồng định giá chỉ tiến hành phiên họp để định giá tài sản khi có mặt đầy đủ các thành viên Hội đồng.

2. Phiên họp của Hội đồng định giá tài sản được tiến hành theo trình tự sau:

a) Thư ký được Tòa án cử giúp việc cho Hội đồng định giá kiểm tra, xác định sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; nếu có người vắng mặt thì cần phải làm rõ lý do;

b) Chủ tịch Hội đồng định giá công bố Quyết định định giá tài sản đang tranh chấp;

c) Hội đồng định giá tiến hành định giá đối với từng tài sản hoặc từng phần tài sản;

d) Đương sự phát biểu ý kiến về việc xác định giá của tài sản khi được Chủ tịch Hội đồng định giá cho phép;

đ) Thành viên Hội đồng định giá phát biểu ý kiến đánh giá về tài sản cần định giá và giá của tài sản cần định giá;

e) Chủ tịch Hội đồng định giá đưa ra mức giá tài sản để biểu quyết;

g) Hội đồng định giá biểu quyết về giá tài sản.

Quyết định về giá của tài sản được thông qua khi được trên 50% tổng số thành viên Hội đồng định giá biểu quyết tán thành. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

3. Phiên họp của Hội đồng định giá được Thư ký ghi vào biên bản. Biên bản định giá tài sản được thực hiện theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Biên bản phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng định giá, đương sự, người chứng kiến, nếu có và của Thư ký ghi biên bản.

4. Ngay sau khi kết thúc phiên họp của Hội đồng định giá, Hội đồng định giá tài sản chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc định giá và Biên bản định giá cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ việc dân sự.

Điều 16. Xử lý trong trường hợp có hành vi cản trở Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản

Trường hợp có hành vi cản trở Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản thì Chủ tịch Hội đồng định giá yêu cầu đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, cơ quan Công an và các cơ quan chức năng khác có biện pháp can thiệp, hỗ trợ kịp thời. Tùy theo tính chất và mức độ của hành vi cản trở mà người có hành vi cản trở Hội đồng định giá bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không thể tiến hành định giá tài sản, Hội đồng định giá lập biên bản về việc không thể tiến hành định giá tài sản do có hành vi cản trở và lưu vào

hồ sơ vụ việc dân sự. Biên bản không thể tiến hành định giá tài sản được thực hiện theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Việc xác định giá tài sản cần định giá trong trường hợp Hội đồng định giá không thể tiến hành định giá được do có hành vi cản trở sẽ được xác định theo hướng dẫn tại Điều 17 Thông tư liên tịch này.

Điều 17. Tòa án xác định giá tài sản trong một số trường hợp khác

1. Trường hợp các bên đương sự không tự thỏa thuận được về việc xác định giá tài sản, nhưng không yêu cầu Tòa án yêu cầu tổ chức thẩm định giá tiến hành định giá tài sản hoặc không yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản thì Tòa án yêu cầu các bên đương sự đưa ra giá của tài sản nhưng không được vi phạm hướng dẫn tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch này. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày đương sự nhận được yêu cầu của Tòa án, nếu các bên đương sự đưa ra được một mức giá thống nhất, thì Tòa án lấy mức giá này làm giá tài sản. Trường hợp các đương sự đưa ra các mức giá khác nhau, thì Tòa án lấy mức giá trung bình cộng của các mức giá do các đương sự đã đưa ra. Trường hợp chỉ có một đương sự đưa ra giá tài sản còn các đương sự khác không đưa ra giá đối với tài sản đang tranh chấp thì Tòa án xác định giá tài sản theo mức giá của bên đương sự đã đưa ra.

2. Trường hợp có đương sự cản trở Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản, thì Tòa án yêu cầu các đương sự không có hành vi cản trở đưa ra giá của tài sản, nhưng không được vi phạm hướng dẫn tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch này. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án, nếu các đương sự không có hành vi cản trở đưa ra được một mức giá thống nhất, thì Tòa án lấy mức giá này làm giá tài sản. Trường hợp các đương sự không có hành vi cản trở đưa ra các mức giá khác nhau, thì Tòa án lấy mức giá trung bình cộng của các mức giá do các đương sự đã đưa ra. Trường hợp chỉ có một đương sự không có hành vi cản trở đưa ra giá tài sản còn các đương sự khác không đưa ra giá đối với tài sản đang tranh chấp thì Tòa án xác định giá tài sản theo mức giá của đương sự đã đưa ra.

3. Trường hợp đương sự không đưa ra được giá tài sản theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này hoặc các bên đương sự cùng có hành vi cản trở Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản hoặc không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản theo quy định của pháp luật, thì Tòa án căn cứ hồ sơ vụ việc để giải quyết vụ việc dân sự theo thủ tục chung.

4. Sau khi Tòa án xác định giá tài sản theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này mà đương sự lại có yêu cầu định giá thì Tòa án không tiến hành định giá tài sản.

Điều 18. Tiến hành định giá lại tài sản

1. Tòa án đang giải quyết ra Quyết định định giá lại tài sản theo đơn yêu cầu của một hoặc các bên đương sự trong các trường hợp sau đây:

a) Có căn cứ rõ ràng cho thấy kết quả định giá tài sản không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm định giá;

b) Có căn cứ cho thấy Hội đồng định giá đã tiến hành định giá thiếu trung thực, khách quan.

2. Trường hợp có căn cứ hướng dẫn tại Khoản 1 Điều này thì Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự tiến hành định giá lại tài sản. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm đang giải quyết vụ việc dân sự mà phải định giá lại tài sản, thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ việc đó tiến hành định giá lại tài sản.

3. Việc định giá lại tài sản do Hội đồng định giá khác thực hiện, thủ tục thành lập và các quy định về Hội đồng định giá lại tài sản thực hiện như Hội đồng định giá quy định tại Thông tư liên tịch này.

Điều 19. Chi phí thẩm định, định giá tài sản

Chi phí thẩm định giá, định giá tài sản được thực hiện theo Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

2. Đối với những vụ việc dân sự đã được Tòa án thụ lý trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực, nhưng kể từ ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực mới xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm thì áp dụng Thông tư liên tịch này để giải quyết.

Điều 21. Việc giải thích, hướng dẫn bổ sung Thông tư liên tịch

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần được giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung thì Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính để có giải thích, hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy Khiêm

KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN

Tổng Anh Hào

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG

Đinh Trung Tụng

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Chí

Mẫu số 01 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn thi hành Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN YÊU CẦU TÒA ÁN YÊU CẦU TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ
TIẾN HÀNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Kính gửi: Tòa án nhân dân⁽¹⁾

Họ và tên người yêu cầu:⁽²⁾

1)..... địa chỉ ⁽³⁾

Là: ⁽⁴⁾ trong vụ việc⁽⁵⁾

2)..... địa chỉ

Là..... trong vụ việc

3)..... địa chỉ

Là..... trong vụ việc

4)..... địa chỉ

Là..... trong vụ việc

Cùng thỏa thuận yêu cầu Tòa án yêu cầu tổ chức thẩm định giá ⁽⁶⁾

tiến hành định giá tài sản đang tranh chấp, gồm: ⁽⁷⁾

.....
.....
.....

Người yêu cầu ⁽⁸⁾

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân đang thụ lý giải quyết vụ việc dân sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân

dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), nếu là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi: Tòa án nhân dân tối cao Tòa phúc thẩm tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Nếu người yêu cầu là cá nhân, thì ghi họ và tên; nếu người yêu cầu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và ghi họ, tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức yêu cầu đó.

(3) Nếu người yêu cầu là cá nhân, thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú theo đúng như trong đơn khởi kiện. Nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó.

(4) Ghi tư cách tố tụng của người yêu cầu trong vụ việc cụ thể mà Tòa án đang giải quyết.

(5) Ghi rõ số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ việc và tên loại việc cụ thể Tòa án đang giải quyết (ví dụ: số 50/2014/TLST-HNGĐ về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn) theo đúng như trong Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án đang giải quyết vụ việc.

(6) Ghi cụ thể tên của Tổ chức thẩm định giá tài sản (ví dụ: Công ty CP Đầu tư và Thẩm định giá Việt Nam (TDG Vietnam) được Bộ Tài chính cấp giấy phép cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo Thông báo số 60/TB-BTC ngày 13/9/2010 do Cục trưởng Cục quản lý giá ký).

(7) Ghi rõ, cụ thể loại tài sản và số lượng tài sản cần định giá.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của từng người yêu cầu; nếu là cơ quan, tổ chức yêu cầu thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó.

Mẫu số 02 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn thi hành Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN YÊU CẦU TÒA ÁN RA QUYẾT ĐỊNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Kính gửi: Tòa án nhân dân⁽¹⁾

Họ và tên người yêu cầu: ⁽²⁾

1)..... địa chỉ ⁽³⁾

Là: ⁽⁴⁾ trong vụ việc⁽⁵⁾

2)..... địa chỉ

Là..... trong vụ việc

3)..... địa chỉ

Là..... trong vụ việc

4)..... địa chỉ

Là..... trong vụ việc

Cùng thỏa thuận yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản đang tranh chấp, gồm: ⁽⁶⁾

.....
.....
.....

Người yêu cầu ⁽⁷⁾

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân đang thụ lý giải quyết vụ việc dân sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), nếu là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi: Tòa án nhân dân tối cao Tòa phúc thẩm tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).

-
- (2) Nếu người yêu cầu là cá nhân, thì ghi họ và tên; nếu người yêu cầu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và ghi họ, tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức yêu cầu đó.
- (3) Nếu người yêu cầu là cá nhân, thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú theo đúng như trong đơn khởi kiện, đơn yêu cầu. Nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó.
- (4) Ghi tư cách tố tụng của người yêu cầu trong vụ việc cụ thể mà Tòa án đang giải quyết.
- (5) Ghi rõ số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ việc và tên loại việc cụ thể Tòa án đang giải quyết (ví dụ: số 50/2014/TLST-HNGĐ về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn) theo đúng như trong Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án đang giải quyết vụ việc.
- (6) Ghi rõ, cụ thể loại tài sản và số lượng tài sản cần định giá.
- (7) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của từng người yêu cầu; nếu là cơ quan, tổ chức yêu cầu thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó.

Mẫu số 03 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn thi hành Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung).

TÒA ÁN..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-ĐG (2)

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH **ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN**

Tòa án.....

Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung;

Sau khi xem xét đơn yêu cầu định giá tài sản đang tranh chấp (hoặc sau khi xem xét về mức giá theo thỏa thuận giữa các bên đương sự đối với tài sản đang tranh chấp).....(3)

của.....(4)

là.....

và

là

trong vụ việc.....(5)

Căn cứ vào Công văn cử cán bộ tham gia Hội đồng định giá của.....

.....

.....

Xét thấy việc tiến hành định giá tài sản đang tranh chấp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành định giá tài sản đang tranh chấp, gồm:.....

.....

.....(6)

Điều 2. Thành lập Hội đồng định giá tài sản đang tranh chấp gồm có các ông (bà) sau đây:

1) Ông (Bà) chức vụ
công tác tại (7)..... là Chủ tịch Hội đồng

2) Ông (Bà)..... chức vụ.....
công tác tại..... là thành viên Hội đồng

3) Ông (Bà)..... chức vụ.....
công tác tại là thành viên Hội đồng

4) Ông (Bà)..... chức vụ.....
 công tác tại..... là thành viên Hội đồng

5) Ông (Bà)..... chức vụ.....
 công tác tại..... là thành viên Hội đồng.

Điều 3. Hội đồng định giá có nhiệm vụ xem xét quyết định về giá đối với tài sản đang tranh chấp theo đúng quy định của pháp luật và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ định giá và đưa ra kết quả định giá.

Điều 4. Việc định giá được bắt đầu tiến hành vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng.... năm.....(8)

Nơi nhận:

- Các thành viên của Hội đồng định giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

TÒA ÁN.....

Thẩm phán

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 03:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), nếu là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi: Tòa án nhân dân tối cao Tòa phúc thẩm tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 01/2014/QĐ-ĐG).

(3) Mức giá theo sự tự thỏa thuận giữa các bên đương sự hoặc của tổ chức thẩm định giá theo sự lựa chọn của các bên đương sự.

(4) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của các bên yêu cầu định giá tài sản hoặc của các bên thỏa thuận về mức giá đối với tài sản hoặc của các bên lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản và tư cách tổ tụng của các bên.

(5) Ghi đúng như ghi trích yếu về vụ việc mà Tòa án đang giải quyết.

(6) Ghi cụ thể loại tài sản và số lượng tài sản cần định giá.

(7) Ghi rõ các cơ quan có công văn cử người tham gia Hội đồng định giá.

(8) Ghi cụ thể địa điểm tiến hành định giá tài sản.

Mẫu số 04 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn thi hành Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung)

TÒA ÁN..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐĐTĐ (2)

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH **THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ**

Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung;

Sau khi xem xét yêu cầu về việc thay đổi thành viên Hội đồng định giá.....(3) được thành lập tại Quyết định định giá tài sản số.../.../QĐ-ĐG ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án nhân dân..... của.....(4)

Địa chỉ:.....

Là:..... trong vụ việc:.....

Sau khi xem xét lý do của việc yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá;

Xét thấy yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá là có căn cứ, cần thiết để bảo đảm tính khách quan, vô tư trong việc giải quyết vụ việc.

QUYẾT ĐỊNH

1. Thay đổi thành viên Hội đồng định giá là Ông (bà).....(5) thay thế Ông (bà)..... quy định tại khoản..... Điều 2 Quyết định định giá tài sản số...../...../QĐ-ĐG ngày..... tháng..... năm..... của TAND..... về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay và thay thế khoản..... Điều 2 Quyết định định giá tài sản số.../.../QĐ-ĐG ngày..... tháng..... năm..... của TAND..... về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

TÒA ÁN.....

Thẩm phán

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 04:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định thay đổi thành viên Hội đồng định giá tài sản; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), nếu là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi: Tòa án nhân dân tối cao Tòa phúc thẩm tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm quyết định (ví dụ: Số: 01/2014/QĐTT).
- (3) Yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá tài sản được thể hiện bằng đơn yêu cầu hoặc trực tiếp đến Tòa án yêu cầu.
- (4) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của các bên yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng định giá tài sản và tư cách tổ tụng của các bên.
- (5) Ghi đầy đủ tên và chức vụ, đơn vị công tác của người được thay thế theo Công văn cử người thay thế.

Mẫu số 05 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn thi hành Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung).

TÒA ÁN..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../BBĐG (2)

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số...../...../QĐ-ĐG ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án nhân dân..... thành lập Hội đồng định giá trong vụ việc dân sự thụ lý số..... ngày..... tháng..... năm.....

Hôm nay, vào hồi..... h..... phút, ngày..... tháng..... năm....., tại..... (3)

Hội đồng định giá gồm những ông (bà) sau đây:

1) Ông (Bà)..... chức vụ..... công tác tại..... là Chủ tịch Hội đồng

2) Ông (Bà)..... chức vụ..... công tác tại..... là thành viên Hội đồng

3) Ông (Bà)..... chức vụ..... công tác tại..... là thành viên Hội đồng

4) Ông (Bà)..... chức vụ..... công tác tại..... là thành viên Hội đồng

5) Ông (Bà)..... chức vụ..... công tác tại..... là thành viên Hội đồng

Tiến hành định giá tài sản đang tranh chấp trong vụ việc về(4) giữa: Nguyên đơn:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Bị đơn:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Tài sản định giá:.....

.....

.....(5)

Ý kiến của các thành viên của Hội đồng định giá tài sản (6):

.....

.....

.....

.....

Ý kiến của các đương sự trong vụ việc dân sự (7):

.....

.....

.....

Kết quả biểu quyết của Hội đồng định giá tài sản về giá trị của tài sản

.....

.....

.....

Biên bản lập xong vào hồi..... giờ..... phút cùng ngày và đã đọc lại cho tất cả những người có mặt cùng nghe.

THƯ KÝ GHI BIÊN BẢN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐƯƠNG SỰ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 05:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh

(thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), nếu là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi: Tòa án nhân dân tối cao Tòa phúc thẩm tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thực hiện định giá (ví dụ: Số: 01/2014/BBĐG).

(3) Ghi địa chỉ nơi tiến hành định giá tài sản.

(4) Ghi loại tranh chấp của vụ việc có tài sản tiến hành định giá (ví dụ: tranh chấp quyền sử dụng đất).

(5) Ghi theo thứ tự từng loại, từng phần tài sản được định giá, giá trị của tài sản được định giá.

(6) Ghi rõ các ý kiến khác nhau về giá trị của từng loại, từng phần tài sản được định giá.

(7) Ghi rõ ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

Mẫu số 06 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn thi hành Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung).

TÒA ÁN..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../BB (2)

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
KHÔNG THỂ TIẾN HÀNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số...../...../QĐ-ĐG ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án nhân dân..... thành lập Hội đồng định giá trong vụ việc dân sự thụ lý số.... ngày.... tháng... năm....

Hôm nay, vào hồi..... h..... phút, ngày..... tháng..... năm....., tại (3)

Hội đồng định giá gồm những ông (bà) sau đây:

1) Ông (Bà)..... chức vụ.....
công tác tại..... là Chủ tịch Hội đồng

2) Ông (Bà)..... chức vụ.....
công tác tại..... là thành viên Hội đồng

3) Ông (Bà)..... chức vụ.....
công tác tại..... là thành viên Hội đồng

4) Ông (Bà)..... chức vụ.....
công tác tại..... là thành viên Hội đồng

5) Ông (Bà)..... chức vụ.....
công tác tại..... là thành viên Hội đồng

Tiến hành định giá tài sản đang tranh chấp trong vụ án về..... (4)
giữa:

Nguyên đơn:

Địa chỉ thường trú:

Bị đơn:

Địa chỉ thường trú:

Đã không thể thực hiện việc tiến hành định giá các tài sản sau đây: (5)

.....

.....

Lý do việc không thể thực hiện việc tiến hành định giá tài sản: (6)

.....

.....

Ý kiến của các thành viên của Hội đồng định giá tài sản:

.....

.....

Ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã nơi có tài sản định giá:

.....

.....

Biên bản lập xong vào hồi..... giờ..... phút cùng ngày và đã đọc lại cho tất cả những người có mặt cùng nghe.

THƯ KÝ GHI BIÊN BẢN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐƯƠNG SỰ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 06:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân lập biên bản về việc không thể tiến hành định giá tài sản; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), nếu là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi: Tòa án nhân dân tối cao Tòa phúc thẩm tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).

-
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thực hiện định giá (ví dụ: Số: 01/2014/BBĐG).
 - (3) Ghi địa chỉ nơi tiến hành định giá tài sản.
 - (4) Ghi loại tranh chấp của vụ việc có tài sản tiến hành định giá (ví dụ: tranh chấp quyền sử dụng đất).
 - (5) Ghi cụ thể từng loại tài sản cần được định giá.
 - (6) Ghi cụ thể về các hành vi cản trở việc tiến hành định giá tài sản.